

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2020/HSST  
Ngày 04-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Sơn

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Lê Quang Xệt;
2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 220/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2020/HSST-QĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

**Lê Văn U**, sinh năm 1988 tại An Giang; Nơi cư trú: Ấp Mỹ Hòa, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Lê Thị T (đã chết); tiền án, tiền sự: không; Bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-7-2020 đến nay. Có mặt

***- Bị hại:***

1. Bà Dương Ngọc L, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Số 84/8C đường 30/4, khu phố B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

2. Ông Huỳnh Hữu T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Số 202, đường Bình Quới, Phường 28, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Ông Trần Quốc T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Khu phố 2, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

2. Ông Đặng Văn S, sinh năm 1979; Nơi cư trú: khu phố Tân Bình, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Ông Lê Văn T, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 24-6-2020, Lê Văn T và Nguyễn Ngọc T rủ Dương Ngọc L cùng Huỳnh Hữu T đến phòng trọ của T ở phòng số 12 nhà trọ Minh Thương thuộc khu phố Tân Hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương để uống bia, L và T đồng ý. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng biển số 61D1-648.62 chở L đến phòng trọ của T để uống bia. Khi L và T đến phòng trọ của T thì tại đây còn có T và U. Sau đó, T, T, L, T và U cùng tổ chức uống bia. Khoảng 23 giờ 00 cùng ngày, khi đang uống bia thì giữa L và T xảy ra mâu thuẫn cự cãi với nhau dẫn đến việc T tức giận rồi bỏ đi ra khỏi phòng trọ của T và đi bộ ra đường ĐX05 cách phòng của T khoảng 50 mét. Thấy vậy, T đi bộ theo T để nói chuyện, còn L dẫn xe mô tô biển số 61D1-648.62 đi theo phía sau T. Lúc này, U cũng đi bộ theo phía sau L. Khi T đi đến vị trí của T đứng thì T và T tiếp tục cự cãi và xô đẩy nhau. Nhìn thấy vậy, L dựng xe mô tô biển số 61D1-648.62 cách vị trí T và T khoảng 02 – 03 mét (chìa khóa xe vẫn còn cắm trên ổ khóa xe) và U can ngăn T và T. Sau khi được can ngăn, T tiếp tục bỏ đi bộ cách vị trí T và T cãi nhau khoảng 05 mét. Khi T và T rời khỏi phòng trọ thì T cũng đi bộ từ phòng trọ ra đứng nói chuyện cùng với L, T. Lúc này, U đi đến vị trí xe mô tô biển số 61D1-648.62 của L đang dựng rồi điều khiển xe mô tô chạy đến vị trí của T đang đứng rồi chở T đi từ đường ĐX05 về hướng đường ĐT746 được khoảng 200 mét thì U dừng xe lại và nói với T “Thôi mày ở đây đi, tao quay lại rước vợ mày về”. Nghe vậy, T xuống xe rồi vào ngồi trên ghế đá trước nhà dân ven đường, còn U điều khiển xe mô tô biển số 61D1-648.62 quay lại vị trí của L đang đứng. Khi U điều khiển xe mô tô chở T đi thì L không nói gì nhưng vẫn nhìn thấy U chở T đi. Khi điều khiển xe quay lại vị trí của L và T đang đứng, thì U nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 61D1-648.62 đem cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định, khi còn cách vị trí L, T và T đang đứng nói chuyện khoảng 05 mét thì U điều khiển xe mô tô biển số 61D1-648.62 quay đầu lại và nói để U đi tìm T chở về. Nghe vậy, thì L nói “Để xe lại cho em chở T về”. Lúc này, U vẫn điều khiển xe mô tô biển số 61D1-648.62 đi về phòng trọ do U thuê tại phòng số 64 nhà trọ ông Nguyễn Đình Kiên thuộc khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương cất giấu. Nghĩ rằng U đã chở T đi nên L, T và T quay lại phòng trọ của T để nói chuyện và chờ U chở T về phòng của T. Riêng T thì ngồi tại ghế đá của nhà dân ven đường khoảng 30 phút thì T đi bộ quay lại phòng trọ của T để gặp nên L, T và T. Khi nhìn thấy T đi bộ về phòng của T một mình thì L hỏi T “U đâu” thì T nói “không biết”. Nghi ngờ, U chiếm

đoạt xe mô tô biển số 61D1-648.62 và tài sản để trong xe nên L nhờ T chở L đi tìm U nhưng không tìm được.

Sau khi mang xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 61D1-648.62 chiếm đoạt được của L về phòng trọ thì U mở cốp xe của L để kiểm tra thì phát hiện trong cốp xe có: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Bee 3 màu đen, 01 (Một) máy tính bảng hiệu SamSung màu trắng, 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61D1-648.62, 01 (Một) giấy Chứng minh nhân dân mang tên Dương Ngọc L, 01 (Một) cái ví bằng vải, màu xám, bề mặt có hoa văn chữ GD cùng 01 (Một) giấy cầm đồ là đôi bông tai bằng vàng và 01 (Một) giấy cầm đồ là nhẫn vàng có ghi tên Dương Ngọc L. Sau đó, U đóng cốp xe mô tô biển số 61D1-648.62 lại rồi đi ngủ.

Đến khoảng 08 giờ 00 ngày 04/7/2020, U điều khiển xe mô tô biển số 61D1-648.62 chiếm đoạt được của L đến tiệm cầm đồ Quốc T ở khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương do ông Trần Quốc T (sinh năm 1991, HKTT: Khu phố 2, phường L Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) quản lý để cầm xe mô tô biển số 61D1-648.62 với giá 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) và bán 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Bee 3 màu đen của L với giá 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) cho một người thanh niên đi trên đường. Sau đó, U đến cửa hàng điện thoại Hoài Sơn ở khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thị xã T do ông Đặng Văn S (sinh năm 1979, HKTT: khu phố Tân Bình, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương) làm chủ mua trả góp 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 2 màu xanh với giá 9.000.000đ (Chín triệu đồng), U đưa trước cho ông Sơn 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), còn lại trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Số tiền còn lại U sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Sau khi bị U chiếm đoạt tài sản, bà Dương Ngọc L cùng Huỳnh Hữu T đến Công an phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường T phối hợp cùng Công an phường T1, thị xã T tổ chức truy tìm và phát hiện U đang ở tại khu nhà trọ ông Nguyễn Đình Kiên thuộc khu phố Tân Bình, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên mời U về trụ sở Công an phường T để làm việc và U đã khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của mình, Công an phường Tân Vĩnh Hiệp đã tiến hành thu giữ:

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 61D1-648.62;
- 01 (Một) máy tính bảng hiệu SamSung màu trắng;
- 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61D1-648.62;
- 01 (Một) giấy Chứng minh nhân dân mang tên Dương Ngọc L;
- 01 (Một) giấy cầm đồ là đôi bông tai bằng vàng có ghi tên Dương Ngọc L;
- 01 (Một) giấy cầm đồ là nhẫn vàng có ghi tên Dương Ngọc L;
- 01 (Một) cái ví bằng vải, màu xám, bề mặt có hoa văn chữ GD.
- 01 (Một) giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn U;

- Số tiền 5.467.000đ (Năm triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Sau đó, Công an phường T, thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Qua lời khai của U, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiến hành thu hồi vật chứng đối với điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Bee 3 màu đen mà U đã bán nhưng không có kết quả.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiến hành tạm giữ: 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 2, màu xanh màu U mua của ông Đặng Văn Sơn.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 260/KLTS – TTHS ngày 10/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 61D1–648.62, 01 (Một) máy tính bảng hiệu SamSung màu trắng, 01 (Một) cái ví bằng vải màu xám bề mặt có hoa văn chữ GD, 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Bee 3 màu đen tất cả đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 23.470.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 61D1–648.62 do bà Dương Ngọc L (sinh năm: 1995, HKTT: 84/8C đường 30/4 khu phố Bình Thắng, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 03/7/2020, U đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt xe này của bà L. Ngày 20/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 93 trả lại 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 61D1–648.62 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 (Một) giấy Chứng minh nhân dân và 01 (Một) giấy cầm đồ là đôi bông tai bằng vàng, 01 (Một) giấy cầm đồ là nhẫn vàng mang tên Dương Ngọc L; 01 (Một) cái ví bằng vải, màu xám, bề mặt có hoa văn chữ GD cho bà L, bà L không yêu cầu gì khác.

Đối với máy tính bảng hiệu SamSung màu trắng là của ông Huỳnh Hữu T (sinh năm 1993, HKTT: 202 đường Bình Quới, phường 28, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 03/7/2020, ông T để máy tính này trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 61D1–648.62 của bà L và bị U chiếm đoạt. Ngày 20/7/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 94 trả lại máy tính bảng hiệu SamSung này cho ông T và ông T không có yêu cầu gì khác.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26-11-2020 ông Đặng Văn Sơn (sinh năm 1979, HKTT: khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương) không yêu cầu bị cáo U bồi thường số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) là số tiền còn nợ lại mà U đã mua điện thoại di động hiệu OPPO Reno 2 màu xanh của ông Sơn vào ngày 04/7/2020.

Cáo trạng số 224/CT-VKSTU ngày 22/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định truy tố bị cáo Lê Văn U về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn U thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn U từ 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về biện pháp tư pháp về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại OPPO Reno2 màu xanh, là vật chứng trong vụ án và là tài sản do phạm tội mà có nên tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 5.467.000 đồng là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn U là tài sản cá nhân của bị cáo nên hoàn trả cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

- Việc ông Sơn không yêu cầu bị cáo U bồi thường số tiền 5.500.000 đồng, đây là sự tự nguyện của ông Sơn đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với ông Trần Quốc T có hành vi nhận cầm xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 61D1-648.62 do Lê Văn U chiếm đoạt của bà Dương Ngọc L với giá 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Ông T không biết xe này là do bị cáo U chiếm đoạt của bà L. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T không đề nghị xử lý ông T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Ông T yêu cầu U trả lại số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo Lê Văn U nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Bị hại bà Dương Ngọc L, ông Huỳnh Hữu T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Quốc T, ông Đặng Văn Sơn và người làm chứng

ông Lê Văn T và bà Nguyễn Ngọc T vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn U đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 03/7/2020, tại khu phố Tân Hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Lê Văn U dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 61D1-648.62 của bà Dương Ngọc L bên trong cốp xe có 01 (Một) cái ví bằng vải màu xám bề mặt có hoa văn chữ GD, 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu VsmartBee 3 màu đen, 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61D1-648.62, 01 (Một) giấy Chứng minh nhân dân mang tên Dương Ngọc L, 01 (Một) giấy cầm đồ là đôi bông tai bằng vàng có ghi tên Dương Ngọc L, 01 (Một) giấy cầm đồ là nhẫn vàng có ghi tên Dương Ngọc L của bà L và 01 (Một) máy tính bảng hiệu Samsung màu trắng của ông Huỳnh Hữu T, tất cả đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 23.470.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng). Hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị là 23.470.000 đồng của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo Lê Văn U về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì ham muốn nhất thời nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả. Do đó, cần có hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo, bảo vệ trật tự xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: không.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân:

- Ngày 06/5/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 152/2015/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/7/2015.

- Ngày 26/6/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 26/2016/HSST,

bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2017, ngày 21/9/2018 bị cáo chấp hành xong việc nộp án phí.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại OPPO Reno2 màu xanh và số tiền 5.467.000 đồng là vật chứng trong vụ án và là tài sản do phạm tội mà có.

- Đối với Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn U là tài sản cá nhân của bị cáo nên hoàn trả cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Việc ông Sơn không yêu cầu bị cáo U bồi thường số tiền 5.500.000 đồng, đây là sự tự nguyện của ông Sơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Trong quá trình điều tra, ông Trần Quốc T có bản tự khai yêu cầu bị cáo Lê Văn U trả lại số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả lại cho ông T số tiền 11.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và biện pháp xử lý vật chứng là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn U phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 46 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn U 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05-7-2020.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại OPPO Reno2 màu xanh và số tiền 5.467.000 đồng.

- Hoàn trả cho bị cáo Lê Văn U Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn U.

*(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương).*

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Văn U hoàn trả cho ông Trần Quốc T số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn U phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (02)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; (02)
- VKSND thị xã T; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã T; (1)
- Cơ quan THAHS Công an thị xã T; (2)
- Chi cục THADS thị xã T; (1)
- Lưu: VT, HS. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Sơn**